TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 01 năm 2018
V/ v: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC-TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Quốc và bà Lê Hồng Nhung.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai – Thư ký Toà án nhân dân huyện TC - tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Quốc - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 10 tháng 01 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐST- HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Quàng Văn Đ, sinh năm 1991. Địa chỉ: bản C, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Lò Thị N, sinh năm 1991. Nơi ĐKHKTT: bản C, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La. Tạm trú: bản Q, xã P, huyện TC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2017 cùng bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Quàng Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lò Thị N chung sống như vợ chồng từ ngày 05 tháng 02 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PL, huyện TC vào ngày 11 tháng 3 năm 2011. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc với nhau được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Nở không hợp với gia đình nhà chồng, không muốn sống chung với gia đình chồng. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 11 tháng 02 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh Định xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với chị Lò Thị N

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Quàng Thị T, sinh ngày 11/12/2010 và cháu Quàng Thị Ngọc D, sinh ngày 14/5/2013. Trong thời gian anh chị sống ly thân cháu T ở với anh Đ, cháu D ở với mẹ. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng nhận trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu T, nhất trí cho chị N nhận trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu nuôi cháu D cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Không ai phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và không cho ai vay mượn tài sản.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã triệu tập chị N nhưng chị N không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án đã tiến hành xác minh và xác định:

Về tình cảm: Chị N và anh Đ chung sống như vợ chồng từ ngày 05 tháng 02 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PL, huyện TC vào ngày 11 tháng 3 năm 2011. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc với nhau được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N không hợp với gia đình nhà chồng. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 11 tháng 02 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Quàng Thị T, sinh ngày 11/12/2010 và cháu Quàng Thị Ngọc D, sinh ngày 14/5/2013. Trong thời gian anh chị sốn ly thân cháu Tuyết ở với anh Đ, cháu D ở với chị N. Do chị N đang đi làm ăn xa ở dưới xuôi nên có gửi bà N chăm sóc cháu D.

Tại phiên toà ngày hôm nay anh Quàng Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Lò Thị N. Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu cháu Quàng Thị T, sinh ngày 11/12/2010 và cháu Quàng Thị Ngọc D, sinh ngày 14/5/2013 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo thủ tục tố tụng của thẩm phán, HĐXX thư ký: thẩm phán, HĐXX, thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa. Nguyên đơn anh Quàng Văn Đ đã chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71 BLDS; Bị đơn chị Lò Thị N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nhưng tòa án đã tiến hành niêm yết 02 lần tại nơi cư trú cuối cùng nên tiến hành xét xử đúng quy định theo điểm b khoản 2 Điều 227 BLDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí và lệ phí tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Quàng Văn Đ ly hôn chị Lò Thị N.

2. Về con chung: Giao các cháu Quàng Thị T, sinh ngày 11/12/2010 và cháu Quàng Thị Ngọc D, sinh ngày 14/5/2013 cho anh Định trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết

4. Về tài sản riêng: không có.

5. Về nợ chung của vợ chồng cũng như cho người khác vay nợ: không có.

6. Về án phí: Anh Quàng Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền dự phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2013/04861 ngày 10/10/2017.

7. Quyền kháng cáo: Anh Quàng Văn Đ biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lò Thị N biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Quàng Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La giải quyết yêu cầu ly hôn giữa anh và chị Lò Thị N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

Về sự vắng mặt của bị đơn chị Lò Thị N: Khi ly thân, chị Nở có mang theo con là cháu Diệp về nhà bố mẹ đẻ là bà Lò Thị Nắn, địa chỉ: bản Q, xã P, huyện TC, Sơn La sinh sống một thời gian. Sau đó chị N gửi cháu D cho bà N nuôi dưỡng và đi làm ăn xa ở dưới xuôi. Chị N vẫn thường xuyên liên lạc với bà Nắn và cháu D nhưng bà N không biết địa chỉ chính xác của chị N ở đâu để cung cấp cho Tòa án. Bà N cũng đã thông báo cho chị Nở biết về việc anh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn và thông báo việc Tòa án huyện TC triệu tập chị Nở nhưng chị Nở bận làm ăn lên không đến tòa. Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định xét xử và giấy triệu tập 02 lần tại nơi cư trú cuối cùng của chị N. Mặt khác Tòa án cũng đã giao Quyết định xét xử và giấy triệu tập cho bố đẻ chị Nở là ông Lò Văn N, mẹ đẻ chị N là bà Lò Thị N; ông N và bà N đã cam kết giao tận tay Quyết định xét xử và Giấy

triệu tập cho chị N nhưng chị N vẫn cố tình vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227 BLDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị N chung sống như vợ chồng từ ngày 05 tháng 02 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PL, huyện TC vào ngày 11 tháng 3 năm 2011 nên xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc với nhau được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Nở không hợp với gia đình nhà chồng. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 11 tháng 02 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Do chị N cố tình trốn tránh, không hợp tác nên Tòa án không lấy được lời khai, không tiến hành hòa giải được. Nhưng tòa án đã tiến hành xác minh và xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị là do chị N không hợp với gia đình nhà chồng; anh chị ly thân từ ngày 11 tháng 02 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa anh Đ xác định cuộc hôn nhân này không hạnh phúc, vợ chồng không còn tin tưởng, thương yêu, chăm sóc cho nhau. Anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết việc ly hôn của anh Đ với chị N.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Quàng Thị T, sinh ngày 11/12/2010 và cháu Quàng Thị Ngọc D, sinh ngày 14/5/2013. Anh Đ nhận trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Quàng Thị T, sinh ngày 11/12/2010 và cháu Quàng Thị Ngọc D, sinh ngày 14/5/2013 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Đ. Sau khi ly hôn, chị N có quyền thăm nom cháu T và cháu D, không ai có quyền cản trở chị N thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: không có.

[6] Về nợ chung của vợ chồng cũng như cho người khác vay nợ: không có.

[7] Về án phí: Anh Đ yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí và lệ phí tòa án,

XỬ

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Quàng Văn Đ ly hôn chị Lò Thị N.

2. Về con chung: Giao các cháu Quàng Thị T, sinh ngày 11/12/2010 và cháu Quàng Thị Ngọc D, sinh ngày 14/5/2013 cho anh Định trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết

4. Về tài sản riêng: không có.

5. Về nợ chung của vợ chồng cũng như cho người khác vay nợ: không có.

6. Về án phí: Anh Quàng Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2013/04861 ngày 10/10/2017.

7. Quyền kháng cáo: Anh Quàng Văn Đ biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lò Thị N biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (02 bản);
- UBND xã nơi ĐKHK;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Các đương sự;
- Lưu:HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Chiến